

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

Bài 1 · tr. 01 **Nhận biết độ C**

Mục tiêu Nhận ra °C là đơn vị nhiệt độ và đọc, viết số đo nguyên không âm.

Ví dụ 25 °C đọc là hai mươi lăm độ C. Số đo cho biết nhiệt độ, không cho biết khối lượng của vật.

Nhiệt kế dùng trong lớp hoặc gia đình theo hướng dẫn người lớn, nhãn hoặc hình số đo.

Đọc tên đơn vị “độ C”.

Nhiệt độ khác độ dài, khối lượng và lượng nước; không đổi °C thành các đơn vị đó.

Câu 1 · tr. 01 Hai mươi độ C; ba mươi độ C; không độ C.

Câu 2 · tr. 01 28 °C.

Câu 3 · tr. 01 °C.

Câu 4 · tr. 01 Đo nhiệt độ; chỉ đúng thang °C nếu nhiệt kế có nhiều thang.

Không dùng nội dung này để chẩn đoán sức khỏe hoặc đặt ngưỡng bệnh.

Bài 2 · tr. 02 **Đọc thang nhiệt kế**

Mục tiêu Đọc mức nhiệt độ nguyên từ thang chia đều và viết °C.

Ví dụ Giữa 20 °C và 30 °C có mười khoảng đều thì mỗi khoảng là 1 °C. Đầu cột ở vạch thứ hai sau 20 là 22 °C.

Hình nhiệt kế; nhiệt kế thật nếu có.

Tìm các nhãn số, đếm số khoảng để biết mỗi vạch nhỏ ứng với mấy độ.

Đọc vạch tại đầu cột chất lỏng, không đọc đỉnh của khung nhiệt kế.

Câu 1 · tr. 02 20 °C.

LT LT1 · tr. 02 $20 - 10 = 10$ độ C; chia thành 10 khoảng nên mỗi khoảng là 1 độ C. Số đo là $10 + 7 = 17$ °C.

Câu 2 · tr. 03 27 °C.

Câu 3 · tr. 03 35 °C.

LT LT2 · tr. 03 Vạch thứ nhất là $30 + 3 = 33$ °C; vạch ngay trước nó là 32 °C.

Câu 4 · tr. 04 27 °C cao hơn 7 °C.

Chỉ dùng số nguyên không âm trong bài, chưa mở rộng sang số âm hoặc số thập phân.

Bài 3 · tr. 04 **Dùng nhiệt kế trong một việc thật**

Mục tiêu Theo hướng dẫn dụng cụ để đọc và ghi nhiệt độ thực tế.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tiếp tục

Ví dụ Khi đo nhiệt độ lớp bằng nhiệt kế phòng, ghi nơi đo, lúc đo và số đo sau khi ổn định. Không tự gọi cảm giác nóng là một số đo.

Nhiệt kế phù hợp đo không khí hoặc nước nguội, người lớn hướng dẫn; giấy ghi.

Chọn đúng loại nhiệt kế và làm theo hướng dẫn của dụng cụ; chờ số đo ổn định.

Không chuyển nhiệt kế đo không khí sang đo nước nếu dụng cụ không phù hợp.

Câu 1 · tr. 04 Theo loại dụng cụ; người lớn xác nhận dùng phù hợp.

Câu 2 · tr. 04 Kết quả thật, đủ bối cảnh và đơn vị.

Câu 3 · tr. 05 Ghi đúng hai số; kiểm vị trí, thời gian chờ hoặc cách đọc, không tự sửa thành số mong muốn.

Câu 4 · tr. 05 26 °C là số đo; “thấy mát” là cảm nhận, không thay số đo.

Không đòi một nhiệt độ lớp cố định làm đáp án.

Bài 4 · tr. 05 **Ước lượng và đối chiếu kết quả đo**

Một vật nhỏ, thước, cân hoặc ca ml nếu có, nhiệt kế phòng, giấy.

Ghi ước lượng trước khi dùng dụng cụ.

Chọn đơn vị và dụng cụ đúng đại lượng; một vật có thể được đo nhiều đại lượng khác nhau.

Câu 1 · tr. 05 Lựa chọn, đơn vị và dự đoán phù hợp đại lượng.

Câu 2 · tr. 06 Theo thao tác thực tế; dự đoán và số đo ghi riêng.

Câu 3 · tr. 06 Ước lượng trước và số đo thật sau; nếu không có dụng cụ, đúng là kế hoạch chưa kiểm.

Câu 4 · tr. 06 Thước cm đo độ dài; cân cân phù hợp để đo khối lượng theo g.

Không so mức gần đúng bằng một ngưỡng bắt buộc; chú ý mốc và cách kiểm.

Bài 5 · tr. 06 **Giải một việc đo trong sinh hoạt**

Mục tiêu Lập và thực hiện kế hoạch đo đơn giản, dùng kết quả cho một quyết định.

Đồ dùng đo sẵn có phù hợp việc chọn, giấy ghi.

Nêu câu hỏi cần quyết định trước khi đo.

Ghi phần đã làm và phần chỉ mới dự định; không dùng hình màn hình thay đo vật.

Câu 1 · tr. 07 Việc có câu hỏi đo được, đơn vị phù hợp.

Câu 2 · tr. 07 Kế hoạch đủ dụng cụ và thao tác đúng đại lượng.

Câu 3 · tr. 07 Câu trả lời dựa số đo thật hoặc ghi đúng tình trạng chưa thực hiện.

Câu 4 · tr. 07 Nêu được mốc 0, độ chia, đơn vị, số đo ổn định hoặc điều phù hợp việc đã chọn.

Thực hành được đề xuất theo điều kiện; không khẳng định hoạt động đã xảy ra ở trường hoặc với trẻ.